TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2017/DS-PT
Ngày: 14-9-2017.
V/v t/chấp quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2017 về "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST, ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T5, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 149/2017/QĐ-PT, ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1957; địa chỉ cư trú: Ấp H3, xã A, huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Ấp H3, xã A, huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Huỳnh Thành N1, sinh năm 1979;

3.2 Chị Huỳnh Thị Kim P1, sinh năm 1974;

3.3 Chị Huỳnh Thị Kim N2, sinh năm 1982;

3.4 Chị Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1984;

3.5 Anh Huỳnh Thành C, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H3, xã A, huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh N1, chị P1, chị N2, chị D, anh C: Bà Nguyễn Thị N - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2016).

3.6 Ủy ban nhân dân huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M, chức vụ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện T5.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành T, chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện T5.

3.7 Trường tiểu học H3; địa chỉ: Ấp H3, xã A, huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Hiệu trưởng trường tiểu học H3.

3.8 Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1960;

3.9 Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1951;

3.10 Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1951;

3.11 Ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1965;

3.12 Bà Nguyễn Kim P2, sinh năm 1972;

3.13 Ông Nguyễn Thành T3, sinh năm 1979;

3.14 Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1988;

3.15 Ông Nguyễn Phước D1; sinh năm 1943.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp H3, xã A, huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

3.16 Ông Huỳnh Long K1, sinh năm 1945; Địa chỉ cư trú: Tỉnh lộ A, ấp H3, xã A, huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

3.17 Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Khu phố 3, thị trấn B1, huyện B2, tỉnh Tây Ninh.

3.18 Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L2, huyện Đ1, tỉnh Long An.

3.19 Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1960;

3.20 Anh Nguyễn Trọng H2, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ cư trú: Khu phố T6, thị trấn G, huyện G1, tỉnh Tây Ninh.

Ông B, bà N, ông K1 có mặt, những người tham gia tố tụng còn lại Tòa án không triệu tập.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N - là bị đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn B trình bày:

Nguồn gốc phần đất thu hồi có diện tích 394,3 m^2 thuộc thửa 42, tờ bản đồ số 18 (thửa mới 283, tờ bản đồ số 26) tọa lạc tại ấp H3, xã A, huyện T5, tỉnh Tây Ninh của cha mẹ ông là cụ Huỳnh Văn T7 (chết năm 1983) và cụ Ngụy Thị Q (chết năm 1998) cho ông từ năm 1978, khi cho đất không làm giấy tờ. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông đã kê khai phần đất này vào năm 2000 và có tên trong sổ mục kê, nhưng khi làm thủ tục đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Huỳnh Văn X (anh ruột của ông) làm đơn ngăn cản. Do đó, ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất này.

Năm 2015, Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T5 thu hồi đất của bà N để mở rộng trường Tiểu học H3. Do phần đất của bà N không đủ nên UBND thu hồi thêm phần diện tích đất nêu trên của ông; trên đất có một số cây tầm vông, 02 cây dừa, số cây này ông có thỏa thuận cho ông T8 (chồng của bà N) trồng, bà N cho rằng phần đất này là của bà nên đã nhận tiền đền bù. Nay ông không khiếu kiện Quyết định thu hồi đất của UBND huyện T5 mà yêu cầu bà N trả lại cho ông số tiền đã nhận đền bù là 110.404.000 đồng đối với phần diện tích 394,3 m^2 đất bị thu hồi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Thành N1, chị Huỳnh Thị Kim N2, chị Huỳnh Thị Kim P1, chị Huỳnh Thị Kim D, anh Huỳnh Thành C trình bày:

Chồng bà tên Huỳnh Văn T8 (chết năm 1996) là anh ruột của ông B. Nguồn gốc đất tranh chấp do cha chồng của bà cho vợ chồng bà từ năm 1973. Hiện trạng là đất ao, chồng của bà có nuôi cá, trên bờ ao giáp trường học (phần này Nhà nước đã thu hồi) thì trồng dừa, tầm vông. Năm 1996, ông T8 chết, ông B chiếm một phần mặt nước nên bà chỉ còn quản lý, sử dụng phần bờ ao. Năm 2015, Nhà nước thu hồi phần bờ ao mở rộng trường học và chi trả 110.404.000 đồng tiền đền bù cho bà. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Huỳnh Văn X trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông B về nguồn gốc đất tranh chấp. Năm 2003, sau khi ông biết được ông B kê khai phần đất này để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông có làm đơn ngăn cản. Nay ông không tranh chấp số tiền 110.404.000 đồng với ông B, bà N.

Ông Huỳnh Long K1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của ông B về nguồn gốc phần đất tranh chấp, nhưng khi cụ T7 và cụ Q còn sống chưa chia cho ai. Đối với phần ao, khi cụ Q còn sống có giao cho ông T8 nuôi cá, trồng cây hưởng hoa lợi và có trách nhiệm cúng lệ cháo cá trong họ tộc; đến khi ông T8 chết thì bà N không nhận việc này nữa nên cụ Q giao cho ông B sử dụng được vài năm rồi bỏ hoang khoảng 15 năm nay. Nay phần đất này đã bị Nhà nước thu hồi và có đền bù số tiền 110.404.000 đồng, ông không có yêu cầu cũng như không tranh chấp.

Bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị V, ông Nguyễn Thành K, bà Nguyễn Kim P2, ông Nguyễn Thành T3, anh Nguyễn Hữu H, ông Nguyễn Phước D1, ông Nguyễn Văn T4, bà Nguyễn Thị Kim M: Thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Long K1 và không có yêu cầu cũng như không có tranh chấp.

Ông Nguyễn Trung H1, anh Nguyễn Trọng H2: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông B; ông H1, anh H2 không có yêu cầu cũng như không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông là Hiệu trưởng trường tiểu học H3. Đối với phần đất tranh chấp giữa ông B và bà N hiện UBND huyện T5 đã giao cho trường sử dụng để mở rộng trường học. Trong thời gian ông công tác tại trường, ông biết được phần đất này trước đây có trồng dừa và tầm vông.

Ông Nguyễn Thành T trình bày: Thực hiện dự án mở rộng trường tiểu học H3 nên Uỷ ban nhân dân huyện T5 có Quyết định số 4622/QĐ-UBND ngày 17-11-2015 thu hồi đất của hộ bà N. Việc thu hồi đất và đền bù đất thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T5, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ phải trả lại ông Nguyễn Văn B số tiền 110.404.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xem xét lại phần án phí.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh rút một phần kháng nghị về phần án phí dân sự sơ thẩm, giữ nguyên các phần còn lại của kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện T5.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 về phần án phí và chấp nhận các nội dung còn lại của kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện T5.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Về nguồn gốc diện tích 394,3 m^2 đất bị thu hồi: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận là của cụ Huỳnh Văn T7 (chết năm 1983) và cụ Ngụy Thị Q (chết năm 1998) không để lại di chúc. Trước khi bị thu hồi, trên đất có cây dừa, tầm vông do ông Huỳnh Văn T8 (chồng của bà N) trồng; năm 2000, ông B đã kê khai và có tên trong sổ mục kê.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N: Bà cho rằng phần diện tích 394,3m^2 cụ T7 và cụ Q đã cho vợ chồng bà sử dụng ổn định từ năm 1973 đến khi bị thu hồi; đồng thời, UBND huyện T5 xác định phần đất này là của gia đình bà nên khi thu hồi đất đã đền bù số tiền 110.404.000 đồng cho bà. Xét thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông B, ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông được cho phần đất này; qua các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện phần đất này đã bỏ hoang không ai sử dụng khoảng hơn 10 năm. Cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông B nên buộc bà N trả lại số tiền được đền bù là không đủ cơ sở. Vì tuy ông B có tên trong sổ mục kê vào năm 2000

nhưng đây không là căn cứ để chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp; thực tế cả ông B và bà N đều không sử dụng ổn định đất; ông T8, bà N là người đóng thuế quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp (bút lục 169A, 170). Đồng thời, qua các biên bản xác minh cán bộ địa chính xã A (bút lục 113, 165) thể hiện "Trong quá trình ông B làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp thì ông X có làm đơn khiếu nại, đơn xin đình chỉ việc cấp giấy nên yêu cầu của ông B không được xem xét".

Vì vậy, có cơ sở xác định phần diện tích 394,3 m^2 đất bị thu hồi không thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông B nên ông B không có quyền khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền bồi thường 110.404.000 đồng, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 và kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Do kháng cáo của bà N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 256 của Bộ luật Dân sự 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T5 về phần án phí dân sự sơ thẩm;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

Sửa bản án sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T5, tỉnh Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn B tranh chấp quyền sở hữu tài sản đối với bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn B phải chịu 5.520.200 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.500.000 đồng theo biên lai thu số 0007441 ngày 29-4-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T5; ông B còn phải nộp 2.020.200 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi ngàn hai trăm đồng).

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N không phải chịu, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009059 ngày 11-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T5.

3. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông Huỳnh Văn B đồng ý chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi ngàn đồng) (đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện T5;
- CCTHADS huyện T5;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thu Trang